

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-PT

Ngày: 29/12/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng gửi
giữ tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính

Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc.

**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:** Bà Thân Thanh Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét
xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 35/2020/TLPT- DS ngày 30/11/2020 về tranh chấp
hợp đồng gửi giữ tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DSST ngày 22/9/2020 của Tòa án
nhân dân huyện Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2020/QĐ-PT ngày
01/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Viết C, sinh năm 1957. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1965. Có mặt

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung
vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Dương Viết C trình bày: Tháng 9/2018, ông có mua khoai
tây giống của HTX thôn L. Đây là giống khoai tây được mua từ Phòng nông
nghiệp và phát triển nông thôn huyện Q. Sau khi trồng và thu hoạch, tháng
12/2018 ông mang 284kg khoai tây giống đến gửi kho lạnh nhà ông Nguyễn Kim
T, hai bên thỏa thuận giá gửi là 2.400đồng/kg. Do ông vẫn gửi khoai tây giống ở
đây từ nhiều năm nên khi ông mang khoai đến thì vợ ông T là bà D tiến hành cân
khoai và mang vào kho lạnh, hai bên không lập biên bản với nhau về cách thức

bảo quản cũng như thỏa thuận về việc bồi thường nếu có thiệt hại xảy ra. Ông cũng không quan tâm đến cách thức ông T bảo quản, chỉ biết là khoai tây giống gửi như thế nào thì đến lúc lấy vẫn như thế là được.

Đến ngày 20/9/2019, ông ra kho nhà ông T để lấy khoai tây giống về trồng và trả tiền phí gửi cho ông T. Ngày 22/9/2019, ông phát hiện toàn bộ số khoai của ông gửi tại kho của ông T bị hỏng, củ khoai rắn cứng và đen bên trong không thể trồng được nữa. Ông mang khoai đến nhà ông T báo với ông T về việc khoai đã bị hỏng nhưng ông T không giải quyết.

Sau đó, ông có làm đơn đến UBND xã V, tại UBND xã V, ông T hứa trả 50% số lượng khoai của gia đình với giá 12.000đ/kg nhưng gia đình phải chịu tiền điện. Tuy nhiên, sau đó ông T không bồi thường cho ông như đã hứa, ông phải đi mua lại khoai tây giống với giá 16.000đồng/kg, số khoai tây giống bị hỏng ông đã bỏ đi hết.

Việc ông T có mang khoai đi giám định không phải là khoai của gia đình ông nhưng khoai của ông cũng có hiện tượng hỏng như vậy. Ông cũng không biết nguyên nhân khoai tây hỏng do đâu nhưng khi gửi khoai thì khoai tây của ông vẫn đảm bảo chất lượng, không bị thối, hỏng. Trách nhiệm của ông T là bảo quản khoai cho ông để ông lấy giống trồng vụ đông, ông T làm khoai tây bị hỏng thì ông T phải bồi thường. Nay ông yêu cầu ông T, bà D phải bồi thường cho ông giá trị toàn bộ 284kg khoai tây giống đã làm hỏng theo giá ông đã mua, tổng cộng là $284\text{kg} \times 16.000\text{đồng/kg} = 4.544.000$ đồng và phí kho lạnh là 616.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Kim T trình bày: Ông hiện đang làm ở Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Q, trực thuộc Phòng nông nghiệp huyện Q. Gia đình ông kinh doanh dịch vụ bảo quản khoai tây giống từ năm 2005 cho đến nay. Đầu năm 2019, ông Dương Viết C có đem 284kg khoai tây giống gửi tại kho lạnh của nhà ông, hai bên thỏa thuận giá gửi là 2.400đồng/kg, khi gửi thì gia đình ông có ghi sổ sách về số lượng khoai tây ông C gửi. Vợ chồng ông và ông C đều không kiểm tra chất lượng của khoai mang đến gửi.

Đến giữa tháng 9/2019, ông gọi loa cho các hộ có khoai gửi tại kho nhà ông đến lấy khoai, ông C đã nhận lại khoai và trả tiền gửi. Sau đó mấy hôm ông C có phản ánh lại với ông về việc khoai lấy từ kho của nhà ông về bị hỏng nhưng ông C không mang khoai đến nhà ông nên ông không rõ khoai bị hỏng thế nào. Tuy nhiên, ông nghĩ số khoai nhà ông C chỉ bị hỏng một phần chứ không hỏng toàn bộ, vì khoai của các hộ khác trong thôn cũng như vậy.

Do nhiều hộ trong thôn phản ánh lại với ông là khoai lấy từ kho lạnh nhà ông về bị hỏng, nên ông đã lấy mẫu khoai của 02 nhà Phụ Tuyền và Yên Tiến đi xét nghiệm tại Viện bảo vệ thực vật Hà Nội, ông không mang toàn bộ mẫu khoai của các hộ đi xét nghiệm và cũng không lập biên bản gì về việc lấy mẫu khoai. Kết quả xét nghiệm cho thấy mẫu của giống khoai tây bị nhiễm 02 bệnh héo vàng, thối khô của do nấm *Fusarium* sp và bệnh héo xanh do vi khuẩn *Ralstonia solanacearum*. Khi có kết quả xét nghiệm ông đã làm việc với các hộ dân có khoai bị hỏng để thông báo về nguyên nhân khoai bị hỏng là do khoai đã bị mang mầm bệnh từ trước nhưng các hộ dân không đồng ý với kết quả xét nghiệm.

Nay ông C yêu cầu ông phải bồi thường giá trị toàn bộ 284kg khoai tây bị hỏng theo giá thị trường là $284\text{kg} \times 16.000\text{đồng/kg} = 4.544.000$ đồng và phí kho lạnh là 616.000 đồng thì ông không đồng ý. Vì lỗi khoai hỏng không phải do gia đình ông bảo quản và số khoai chỉ hỏng một phần chứ không phải toàn bộ.

Bà Nguyễn Thị D đồng ý với ý kiến trình bày của ông T và khẳng định, lỗi khoai tây hỏng không phải là lỗi do gia đình bà bảo quản mà là do khoai hỏng từ trước. Vì không chỉ có các hộ dân thôn L gửi khoai tây ở kho lạnh nhà bà cùng lúc đó nhưng chỉ có mấy hộ gia đình kêu hỏng còn lại rất nhiều hộ gia đình khoai không bị hỏng. Do các hộ chỉ nói là khoai tây bị hỏng chứ hỏng như thế nào thì không ai mang toàn bộ khoai hỏng đến nhà bà nên có hỏng hay không và hỏng như thế nào bà không biết được.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng các Điều 554, 555, 556, 557, 558 Bộ luật dân sự; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Viết C.

Buộc ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Dương Viết C giá trị của một nửa số khoai tây giống đã gửi và phí gửi giữ, tương đương 2.580.000đ (Hai triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi tòa án cấp sơ thẩm xử, ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị D kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

Tháng 12/2018, ông Dương Viết C mang 284kg khoai tây giống gửi tại kho lạnh của vợ chồng ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị D với giá gửi là 2.400 đồng/kg. Đến giữa tháng 9/2019, ông T thông báo thì ông C đã đến nhận lại khoai. Khi mang đến gửi và khi nhận lại khoai hai bên đều không kiểm tra chất

lượng khoai gửi. Sau đó mấy ngày ông C phát hiện một số củ khoai của ông lấy về từ kho của ông T bị hỏng, củ khoai rắn cứng, rỗng và đen bên trong không thể trồng được nữa. Ông C khởi kiện yêu cầu ông T, bà D phải bồi thường thiệt hại đối với số khoai tây gửi giữ. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản là chính xác.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Kim T kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xác định nguyên nhân dẫn đến khoai tây bị hư hỏng là do máy lạnh là không chính xác, ông bà đã đưa ra căn cứ các hộ dân đều thừa nhận bệnh khoai tây mắc phải giống với kết quả trong kết luận giám định của Viện bảo vệ thực vật nhưng bản án sơ thẩm không xem xét là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà.

Xem xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Kim T, Hội đồng xét xử nhận định:

Thứ nhất, về nguyên nhân dẫn đến tài sản gửi giữ bị hư hỏng: Việc gửi giữ tài sản là khoai tây được nhiều hộ gia đình trong thôn thực hiện hàng năm với cách thức như sau: Sau khi thu hoạch khoai tây xong, các gia đình đóng bao bì và gửi kho của gia đình ông T, bà D để bảo quản làm khoai giống. Khi bảo quản cả hai bên đều không kiểm tra chất lượng khoai tây xem có đảm bảo để làm giống hay không mà chỉ gửi tại kho lạnh nhà ông T, bà D còn việc bảo quản là do ông T bà D tự thực hiện. Theo quy định của pháp luật về hợp đồng gửi giữ tài sản thì bên gửi tài sản phải có nghĩa vụ thông báo về chất lượng và biện pháp thích hợp để bảo quản tài sản gửi giữ, bên giữ tài sản phải thực hiện các biện pháp bảo quản như đã được thông báo. Bên nào không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dẫn đến tài sản gửi giữ bị hư hỏng thì phải bồi thường.

Đối chiếu với quy định thì thấy, khi thực hiện việc gửi giữ khoai tây để làm giống, cả phía ông C và vợ chồng ông T bà D đều không thực hiện các nghĩa vụ theo như quy định của pháp luật, cụ thể:

Nguyên đơn có lỗi trong việc không báo cho bị đơn về việc cách thức bảo quản khoai tây trong kho lạnh; khi nhận lại không kiểm tra ngay chất lượng của toàn bộ số khoai tây đã mang gửi; khi phát hiện khoai tây bị hỏng chỉ thông báo cho bị đơn về việc khoai bị hỏng nhưng không mang đến nhà bị đơn để lập biên bản xác định số lượng khoai bị hỏng.

Bị đơn có lỗi trong việc không kiểm tra chất lượng khoai tây đem gửi, do đó không có cơ sở để xác định số khoai tây có đạt tiêu chuẩn làm khoai giống hay không, quá trình bảo quản để xảy ra sự cố là kho lạnh bị hỏng, không thông báo với nguyên đơn về sự cố xảy ra. Sau khi sửa chữa kho lạnh, bị đơn cũng không kiểm tra lại khoai tây có bị ảnh hưởng gì không nên việc bị đơn cho rằng việc máy lạnh bị hỏng một thời gian không ảnh hưởng đến chất lượng của khoai tây là không thuyết phục.

Vì vậy, không có cơ sở để xác định nguyên nhân khoai tây hỏng là do chất lượng khoai kém hay do biện pháp bảo quản không đúng và cũng không xác định được số lượng khoai bị hỏng. Từ phân tích trên thấy rằng cả phía ông C và phía

ông T, bà D đều có lỗi như nhau trong việc xác lập hợp đồng gửi giữ nên tòa án cấp sơ thẩm xác định cả hai bên phải chịu trách nhiệm như nhau đối với thiệt hại xảy ra (mỗi bên phải chịu một nửa giá trị thiệt hại) là có căn cứ.

Thứ hai, trong kết luận giám định của Viện bảo vệ thực vật đối với mẫu xét nghiệm khoai tây của 02 nhà Phụ Tuyến và Yên Tiến mà ông T bà D cung cấp thì khoai tây bị nhiễm bệnh. Tuy nhiên, không có căn cứ để cho rằng số khoai tây mà gia đình ông C mang đến gửi giữ cũng bị nhiễm căn bệnh trên. Hơn nữa, quá trình lấy mẫu và mang khoai tây đi giám định là do ông T tự thực hiện, không có sự chứng kiến của ông C nên chưa khách quan và không đúng trình tự. Do đó không thể dựa vào kết luận giám định trên để xác định chất lượng khoai tây của gia đình ông Dương Viết C được.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 400, 401, 554, 555, 556, 557, 558 Bộ luật dân sự; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí lệ phí tòa án*”. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Kim T. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 16/2020/DSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

2. Buộc ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Dương Viết C giá trị của một nửa số khoai tây giống đã gửi và phí gửi giữ, tương đương 2.580.000đ (Hai triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Án phí: Ông Nguyễn Kim T và bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông T và bà D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Biên lai thu số AA/2020/0002385 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Viết C. Hoàn trả ông Dương Viết C 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0001054 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện Q;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuyết Mai